

Trang Nhà Quảng Đức



Mật Tông

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1119 (Tr.509 _ Tr. 513)

ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA TU HÀNH THÀNH TỰU NGHI QUYỸ _ MỘT QUYỂN _

(Trích trong Kinh Cát Tường Tối Thắng Sơ Giáo Vương Du Già)

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh Kim Cương Tát Đỏa hay nói ba **Mật Môn Kim Cương** , vì Bồ Tát tu Hạnh Chân Ngôn, chẳng phải siêng năng khổ cực mà vẫn tương ứng an vui, dùng phương tiện màu nhiệm mau chóng thành tựu cho nên nay Ta nói. Người tu hành trước tiên nên phát Tâm như vậy: "*Con sẽ đem lại sự an vui lợi ích cho khắp cả Giới Hữu Tình không dư sót*". Vì thành tựu Tâm này cho nên dùng **Tự Tính Thành Tựu Chân Ngôn**, tùy ý tụng. Chân Ngôn là:

Ấn (1) tát phộc du nga chất đa (2) mẫu đất-ba na dã nhĩ (3)

唵 屹楠 佉丫 才柰互痾叨 伏亦

OM SARVA YOGA-CITTAM UTPÀDA YAMI

Do mới Phát Tâm đó tụng Chân Ngôn cho nên chặt đứt tất cả Chướng, được tất cả an vui vừa ý, các chúng Ma với hữu tình khó điều phục chẳng thể gây trở ngại, ngang đồng với Chính Giác, xứng đáng thọ nhận cúng dường rộng lớn của tất cả Người, Trời trong Thế Gian.

Tiếp quán **tất cả Pháp không có Tự Tính**, tức gọi tên xong, dùng tu Tâm Bồ Bồ Đề. Liên trụ **Phổ Hiền Đại Bồ Đề Tâm Quán** giống như trăng đầy trắng tinh rõ ràng, lại tưởng trên vành trăng phun lên thành **Ngũ Cổ Bạt Chiết La** (Chày Kim Cương có năm chấu) với ánh sáng bóng loáng. Bạt Chiết La ấy liền biến thành Kim Cương Tát Đỏa có màu như trắng trắng tinh khiết, đủ các thứ nghiêm sức, đầu đội mào báu năm Phật, thân đeo lửa rực màu đỏ, ngồi trên hoa sen trắng.

Tiếp dùng **Đại Ấn** với **Tâm Chân Ngôn** để làm gia trì. Tướng của Ấn: bàn chân phải đè bên trái, ngồi Bán Già. Hai tay đều kết Kim Cương Quyển, tay trái để ở háng, tay phải làm thế ném bánh xe (Luân) rồi để trên trái tim. Thân Khẩu Ý Kim Cương, ngồi ngay thẳng thân, tụng Tâm Chân Ngôn là:

Hồng

嫿
HÙM

Tiếp tác **Kim Cương Hợp Chưởng Ấn**. Tướng Ấn là: lòng bàn tay bền chắc, giao phần đầu của ngón tay. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-lạn, nhược lý

向 鞠 介 印

VAJRÀM JALI

Tiếp kết **Kim Cương Phộc Ấn**. Tướng Ấn là: Dùng Kim Cương Chưởng, giao sâu rồi hợp quyền. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la, mẫn đà

向 忝 向 神

VAJRA BANDHA

Các **Tam Muội Gia Ấn** đều sinh từ **Phộc** này

Tiếp kết **Khai Tâm Ấn**. Tướng Ấn là: Nên mở Phộc trước, vỗ đập trái tim của mình. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la , mẫn đà đát-la-tra

向 忝 向 神 氛 誑

VAJRA BANDHA TRAT

Do vỗ đập trái tim của mình ắt cột buộc tất cả Ấn Khế, ở Thân Khẩu Tâm Kim Cương của mình mà được tự tại.

Tiếp kết **Kim Cương Biến Nhập Tam Muội Gia Ấn**. Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, co hai ngón cái vào lòng bàn tay, để giữa ngón vô danh và ngón út. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la phệ xá (1) ác (2)

向 忠 合 在 珩

VAJRA AVI'SA AH

Do Ấn này gia trì , ắt tất cả Chúng Thánh vào khắp cả thân tâm, gia trì hộ niệm cho người thân và bạn bè.

Tiếp kết **Tam Muội Gia Kim Cương Quyền Ấn**. Tướng Ấn là: Như Ấn trước, co hai ngón trở vịn lưng ngón cái. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la, mẫn sắt-trí (1) Hàm (2)

向 忝 觜 洫 圳

VAJRA MUṢṬI VAM

Tiếp kết **Phộc Nhật-La Nghiệt Ma Ấn**. Tướng Ấn là: Dùng Ấn trước, chia làm hai quyền, quyền trái để tại háng, quyền phải ngay trái tim, tụng Chân Ngôn là:

Hông

嫿

HÙM

Tiếp kết **Kim Cương Bí Mật Tam Muội Gia Ấn**. Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, ngón cái ngón trỏ làm cái lỗ, ngón cái phải hơi đè ép, gia trì trái tim, vắng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

Tố la đa, tát-đát-phạm

鉏先凹 養

SURATA STVAM

Tiếp kết **Ngũ Phật Quán Đỉnh Ấn**. Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng, cùng hợp ngón giữa co lỏng thứ ba như cây kiếm, hai ngón trợ đều phụ dính lỏng thứ ba của ngón giữa, hai ngón cái cùng giao nhau như hình Già Phu, đặt ở trên đỉnh đầu, tiếp phía trước đỉnh đầu, bên phải đỉnh đầu, phía sau đỉnh đầu, bên trái đỉnh đầu. Tụng **Ngũ Phật Chân Ngôn** gia trì.

Tỳ Lô Giá Na Chân Ngôn là:

Ấn, bộ khiếm

遇 滯 廬

OM BHUḤ KHAM

Vô Động Như Lai Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la, tát đát-phộc

向忝屹玆

VAJRA-SATVA

Bảo Sinh Như Lai Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la, la đát-na

向忝先湓

VAJRA-RATNA

Vô Lượng Quang Như Lai Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la, đạt ma

向忝叻獲

VAJRA-DHARMA

Bất Không Thành Tựu Như Lai Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la, yết ma

向忝一愍

VAJRA-KARMA

Tiếp kết **Kim Cương Man Ấn**. Tướng Ấn là: nắm hai Kim Cương Quyền, ở trước trán, sau ót làm thế cột buộc vòng hoa, từ từ theo ngón út bung xuống dưới như rữ dây đai lụa. Chân Ngôn là:

Ấn (1) phộc nhật-la , ma la tỳ sần giả (2) mẫn (3) hàm

遇 向忝 交匠石翹弋 彘 圳

OM VAJRA MÀLA ABHIṢIMCA MAM VAM

Như trước gia trì xong, tức là tụng **Kim Cương Tát Đỏa Quán Đỉnh** mà rưới rớt.

Tiếp kết **Hoan Hỷ Ấn**. Tướng Ấn là: duỗi hai bàn tay rồi cùng vỗ. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-la (1) đồ sử-dã (2) hộc (3)

向忝 加併 赳

VAJRA TUṢYA HOḤ

Do Ấn này với Chân Ngôn gia trì cho nên giải bỏ sự cột buộc , vui vẻ được Thể của Kim Cương Tát Đỏa.

Tiếp kết **Phộc Nhật-La Nghiệt Ma Ấn**. Ngâm tụng Chân Ngôn sau một biến.

Tát phạm củ lỗ (1) dã tha, tố khiếm (2)

屹楹 乃冰 伏卡 鉏磨

SARVAṀ KURU YATHÀ SUKHAM

Tiếp tưởng năm Đức Phật ở trong cái mao trên đầu, mỗi mỗi đều y theo hình sắc của mình, trụ Bản Ấn, uy nghi và đều ngồi theo thế Toàn Già.

Trên đỉnh đầu là **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** màu trắng, hai quyền duỗi ngón cái, dùng quyền phải nắm phần đầu tiên , để ngang trái tim.

Mặt phía trước là **Vô Động Như Lai** màu xanh, quyền trái cầm góc áo để ngang trái tim, tay phải duỗi ngón tay, úp lòng bàn tay ở trên gối phải sao cho đầu ngón tay chạm đất.

Ở bên phải là **Bảo Sinh Như Lai** màu vàng, quyền trái như trước, ngửa lòng bàn tay phải tác Thí Nguyện

Ở phía sau là **Vô Lượng Quang Như Lai** màu đỏ, quyền trái ngạo mạn cầm cọng hoa sen, dùng quyền phải bóc mở

Ở bên trái là **Bất Không Thành Tựu Như Lai** màu xanh lục, quyền trái như trước để ngang trái tim, tay phải: ngón cái, ngón trỏ cùng vịn nhau như thế nhỏ bỏ, dương lòng bàn tay sát vú.

Như vậy gia trì xong thì thân của mình sẽ thành Thể của Kim Cương Tát Đỏa.

Tiếp kết **Đại Lạc Kim Cương Bất Không Tam Muội Gia Tùy Tâm Ấn**. Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, co ngón giữa vào lòng bàn tay, duỗi ngón cái, ngón út cùng hợp nhau như Độc Cổ Kim Cương. Co hai ngón giữa như hình móc câu, móc chạm ở trái tim. Liền đem đầu ngón giữa cùng vịn nhau như sợi dây. Cùng móc sâu như cái khóa. Đem cái khóa để ngay trái tim lay động làm cái Khánh. **Phụng Thỉnh Chân Ngôn** là:

Hệ (1) ma ha tố khư , phộc nhật-la tát đất-phộc dạ hứ (2) thí-cật-lâm (3) ma ha tố khư phộc nhật-la mục khư , tam muội gia (4) ma nỗ bá la dã (5) bát-la mẫu-dà dã , bát-la mẫu-dà dã (6) tố la đa, tát-đất-phộc (7) ma noa la cật-đồ , minh bà phộc (8) tố đồ sắt-dữu , minh bà phộc (9) tố địa-lý trụ, minh bà phộc (10) tố báo sắt-dữu, minh bà phộc (11) bà già phạm (12) năng năng địa nễ đà nặc tát đất-phộc (13) tát phộc tất địa, minh (14) bát-la dã xa, ế sa đất-phộc (15) năng cật-lý sử-dã , bát-la phệ địa (16) tam muội duệ la-phộc đà-phộc (17) phộc thí ca lỗ nhĩ (18) muội na mẫu na-la (19) mẫn đất-la bả nãi (20) nhược (21) hồng (22) hàm (23) hộc (24)

旨 互扣鉏几 向忝屹班仲扛 圯季 互扣鉏几向忠伏千 屹互伏互毛扒匡伏
盲后杞 盲后杞 鉏先凹 榷互毛先鉏 伙矛向 鉏手佺 伙矛向 鉏哏玉 伙矛向
鉏末佺 伙矛向 矛丫圳 巧巧 司市四睿屹兹 屹楠 帆盎 伙 盲伏献 琬好 班巧 邴併
盲吒京 屹互仲飲 砵 向圯 一刎亦 伙觜治 浼傲 扔史 切 嫫嶧 赳

HE MAHÀSUKHA VAJRASATVA AYÀHI ‘SÌGHRAM MAHÀ SUKHA

VAJRA AMOGHA SAMAYAM ANUPÀLAYA , PRABUDHYA PRABUDHYA ,SURATA STVAM ANURAKTO MEBHAVA SUṬOṢYO MEBHAVA SUDR̥DHO MEBHAVA SUPOṢYO MEBHAVA BHAGAVAM NANA DINI DHÀNA-SATVA SARVA SIDHI ME PRAYACCHA, EṢA TVÀNA KṚṢYO PRAVE'SYA , SAMAYA ARTHA DHVAM VA'SI KAROMI ME , MUDRA MANTRA-PÀDAI_ JAḤ HÙM VAM HOḤ

Tưởng các Tôn tập hội ở trong Đàn. Dùng **Câu** nên nhớ giảng phó, đến **Quyển Sách** thì vào, đến **Tỏa** thì hay dừng lại, đến **Khánh** khiến vui thích. Chân thật quán Kim Cương Tát Đỏa ở trong Đàn trước, dùng các Tôn vây quanh cúng dường.

Tiếp dùng vật khí sạch mới chứa đầy nước thơm, trên nước rải hoa rồi để ở bên trong Đàn cạnh hai đầu gối trái phải, dùng **Ất Già Ấn** gia trì. Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng, duỗi hai ngón giữa cùng hợp nhau, co hai ngón trở như hình móc câu, hai ngón cái vịn dưới gốc hai ngón trở, dùng Chân Ngôn chữ **Ấn** (𑖦-OM) bày sát cạnh Ấn gia trì, liền nâng vật khí Ất Già cạnh vâng trán.

Phụng Hiến Chân Ngôn là:

Bả la ma tố khư xả dã (1) sa la lý đa (2) vĩ la sa năng nhĩ đái la-năng ma nhĩ già phạm đảm (3) nhược, hồng hàm, hộc (4) hứ hứ hứ hứ (5) bát-la để xa (6) củ tố mãn nhạ lý la-năng tha (7)

扔先互 鉏刀在伏 屹匡印凹 合匠屹巧 亦勿嗣 交 亦 矛丫圳 仟 切 嫗 嶧 赅 扛 扛 扛 扛 盲刊欸 乃鉏施 介印嗟巧

PARAMA SUKHÀ'SAYA SALÀLITA VILÀSANA MI TAIRNA MÀ MI BHAGAVAM TAM _ JAḤ HÙM VAM HOḤ , HI HI HI HI , PRATICCHA KUSUMÀM JALIRNÀNA

Như vậy Hiến xong. Tiếp quán các Tôn, dùng Yết Ma Ấn với Bản Chân Ngôn đều an lập vị trí Tòa ngồi bên trong Mạn Trà La. Trước tiên tưởng vành trăng rồi quán hình sắc.

Tiếp nói năm Bí Mật. **Kim Cương Tát Đỏa** ngồi trên đài sen trắng ở nơi đoan nghiêm, hình mạo như Pháp của thân đã thành lúc trước, đang trụ Đại Ấn. **Kim Cương Tiền** màu đỏ ngụ ở trước mặt , cầm cung tên. **Kim Cương Hỷ Duyệt** màu trắng ở bên phải, áo dài, Thế Tam Muội Gia. **Kim Cương Ai** các việc đều màu xanh. **Kim Cương Dục Tự Tại** màu vàng ở bên trái, hai quyền đều để ở háng, đầu hướng về bên trái hơi nghiêng xuống.

Nay nói Ấn Tướng với Chân Ngôn

Kim Cương Tát Đỏa: Dùng **Phộc Nhật La Nghiệt Ma Ấn** với **Tâm Chân Ngôn** {ND: (嫗_HÙM)] để an lập

Dùng hai Kim Cương Quyền làm thế giương cung bắn tên . Chân Ngôn là:

Nhược (1) phộc nhật-la địa-lý sắt-trí (2) sa dã kế (3) ma tra (4)

切 向忝 呷洫 屹伏了 互誑

JAḤ VAJRADRṢṬI SAYAKE MAT

Lại hai Quyền, giao cánh tay ôm trước ngực. Chân Ngôn là:

Hồng (1) phộc nhật-la kế lợi cát lệ (2) hồng (3)

嫗 向忝 七印七同 猪

HÙM VAJRA KÌLIKÌLE HÙM

Lại hai Quyền, bên trái gấn vú phải, co cùi trở phải để trên quyền trái, dựng cánh tay như cây phướng. Chân Ngôn là:

Hàm (1) phộc nhật-ly nễ (2) sa-ma la (3) la tra (4)

圳 向忽仗 櫛先 先誑

VAM VAJRINI SMÀRA RAT

Lại hai Quyền đều để ở háng, hướng đầu về phía trái hơi cúi xuống lễ. Chân Ngôn là:

Hộc (1) phộc nhật-la ca minh thấp-phộc lý (2) đát-lam (3)

赳 向忝 乙伙鄔共 鋸

HOH VAJRA KÀME'SVARI TRÀM

Tiếp nói Nội Cúng Đường ở bốn góc. **Kim Cương Diệu Thích Duyệt** màu trắng tinh, cầm hoa cúng đường. **Kim Cương Thích Duyệt Tính** màu đen, cầm lò thiêu đốt mọi thứ hương. **Kim Cương Nhân** có hình và quần áo màu đỏ, cầm đèn cúng đường. **Kim Cương Đại Cát Tường** màu vàng, nâng giữ hương xoa bôi.

Nay nói Ấn Tướng với Chân Ngôn. Bốn **Nội Cúng Đường** ấy đều trước tiên dùng hai Kim Cương Quyền, múa rồi sau đó kết Ấn.

Trước hết kèm che hai Quyền, liền nghiêng lòng bàn tay hướng lên trên như thê rải hoa. Chân Ngôn là;

Hệ (1) phộc nhật-la (2) la đế (3)

旨 向忝 先嚙

HE VAJRA RATIH

Lại kèm Quyền, hướng xuống dưới mở bung thành thế đốt hương. Chân Ngôn là:

Ma ha la đa phộc nhật-ly (1) hộc (2)

互扣先凹 向忽 赳

MAHÀ-RATA -VAJRI HOH

Lại kèm Quyền, duỗi ngón cái cùng hợp đầu ngón làm cái đèn. Chân Ngôn là:

Ấn (1) phộc nhật-la (2) lộ giả ninh (3)

渴 向忝 吐弋弁

OM VAJRA LOCANE

Lại kèm Quyền, y theo hai bên ngực, bung tán như xoa bôi hương. Chân Ngôn là:

Ma ha thất-lợi (1) phộc nhật-ly (2) hứ (3)

互扣 胃向忝 櫛

MAHÀ-'SRÌ-VAJRA HIH

Tiếp nói Ngoại Cúng Đường ở bốn góc. **Kim Cương Hy Hý, Kim Cương Tiếu, Kim Cương Ca, Kim Cương Vũ** bốn ngoại cúng đường ấy đều làm thuần màu vàng ròng

Nay nói Ấn Tướng với Chân Ngôn.

Kết hai Quyền cùng kèm che ngay trái tim, chuyển theo bên phải, gọi là **Hy Hý** (vui đùa. Chân Ngôn là

Hệ la đế phộc nhật-la (1) vĩ la tứ nễ (2) đát-la tra (3)

旨 先凸 向忝 合匠帆市 氛誑
HE RATI VAJRA VILÀSINI TRAT

Lại hai Quyền kèm che, nâng ngang miệng, từ ngón út từ từ bung tán, dung mạo mỉm cười.
Chân Ngôn là:

Hệ la đế phộc nhật-la (1) hạ tế (2) ha ha (3)
旨 先凸 向忝 扣弛 成 成
HE RATI VAJRA HÀSE HA HA

Lại hai Quyền đều duỗi ngón trở rồi hơi co lại, liền dựng cánh tay trái như hình cây đàn
Không Hầu, ngón trở phải như thế búng dây đàn. Chân Ngôn là:

Hệ la đế phộc nhật-la (1) nghĩ đế (2) đế đế (3)
旨 先凸 向忝 輒包包包
HE RATI VAJRA GÌTE TE TE

Lại hai Quyền xoay múa ngay trái tim, liền chấp tay lại giữa rỗng đưa lên trên đỉnh đầu
bung tán. Chân Ngôn là:

Hệ la đế phộc nhật-la nễ-ly đế (2) phê ba, phê ba (3)
旨 先凸 向忝 拂抖 吒扔吒扔
HE RATI VAJRA NRTYE VEPA VEPA

Tiếp nói **Thừa Chỉ** ở bốn cửa. **Kim Cương Câu** ở phía trước, màu xanh. **Kim Cương Sách** ở
bên phải, màu vàng. **Kim Cương Tỏa** ở phía sau, màu đỏ. **Kim Cương Khánh** ở bên trái, màu xanh
lục.

Nay nói Ấn Tướng với Chân Ngôn.

Hai Quyền dùng hai ngón út móc nhau, giao cổ tay dựng thẳng hai ngón trở, hơi co ngón trở
phải dùng chiêu vờ để câu móc. Chân Ngôn là:

Phộc nhật-lãng củ thế (1) nhược (2)
向輒乃多切
VAJRA-AMKU'SE JAḤ

Lại dựa theo Câu Ấn này, hai ngón trở cùng trụ nhau như vòng dây. Chân Ngôn là:

向忝扒多 猪
Phộc nhật la bá thế (1) hồng (2)
VAJRA-PÀ'SE HÙM

Lại từ Sách Ấn này, sửa hai ngón trở giao kết nhau, mở lưng bàn tay thành cái khóa. Chân
Ngôn là:

Phộc nhật-la hướng ca lệ (1) hàm (2)
向忝 奸一刑 圳
VAJRA 'SAMKARE VAM

Lại ngay Tỏa Ấn trước, hai tay cùng ép lưng, dao động trên dưới làm cái Khánh. Chân Ngôn
là:

Phộc nhật la hiến trệ (1) hộc (2)

向忝 孑戈 赳

VAJRA GHAMṬE HOḤ

Mười sáu Tôn bên trên đều dùng con mắt ưa thích chiêm ngưỡng Kim Cương Tát Đỏa, Mão Ngũ Phật trên đầu, đều ngồi theo thế Tát Đỏa Già trên vành trăng; mão, vòng hoa, quần áo tùy theo màu thân của vị ấy.

Tiếp bày **Chúng Thánh Tam Muội Gia Ấn.**

Kim Cương Tát Đỏa kết **Kim Cương Bí Mật Tam Muội Gia Ấn** với tụng Chân Ngôn là:

Tố la đa, tát-đát-phạm

鉏先凹 耆

SURATA STVAM

Tiếp kết **Đại Lạc Kim Cương Bất Không Tam Muội Gia Tùy Tâm Ấn.** Co hai ngón trở cùng dính lưng móng như chỗ mũi tên cắm sâu vào, kèm hai ngón cái đè lên.

Hợp quyền là **Kim Cương Tiễn Ấn**

Lại dùng **Tiến Ấn**, hai ngón cái cùng giao sâu, bên phải đè bên trái, là **Kim Cương Hỷ Duyệt Ấn**

Tiếp lại, **Ấn** trước đem hai ngón trở trợ nhau móc ngón giữa, kèm ngón cái đè bên cạnh ngón trở như lỗ tai, duỗi hai ngón vô danh cùng hợp nhau, là **Kim Cương Ai Ấn.**

Tiếp lại, vịn nghiêng **Ấn** trước, ấn hai bắp đùi, trước tiên là bên phải, tiếp đến bên trái, là **Kim Cương Dục Tự Tại Ấn.**

Tiếp vịn nghiêng **Kim Cương Hợp Chưởng** ngay trên trái tim ném vút làm **Hoa.** Bung tán bên dưới là **Thiên Hương.** Sửa hai ngón cái cùng hợp nhau, hơi mở lòng bàn tay gọi là **Đẳng.** Y theo lồng ngực, hướng hai bên bung tán như thế xoa bôi hương, là **Đồ Hương.**

Tiếp vịn nghiêng **Kim Cương Hợp Chưởng** ngay trái tim như trước, chuyển theo bên phải là **Hỷ Hỷ.** Gắn miệng từ ngón út bung tán gọi là **Tiểu.** Sửa hai ngón trở rồi hơi co lại, ngón trở trái như hình cái đàn Không Hầu, dùng ngón trở phải như thế búng dây đàn gọi là **Ca.** Bên phải Tam Phan (3 cành phan) bên trái **Khư Tra Ca** như trước xoay múa gọi là **Vũ.**

Tiếp **Kim Cương Phộc** duỗi ngón trở phải rồi hơi co lại, từ từ chiêu vời làm **Câu.** Đem đầu ngón cái trái ép hổ khẩu bên trái gọi là **Sách.** Tay trái: ngón trở và ngón cái cùng vịn đầu nhau, tay phải cũng vậy liền thành **Tỏa.** Co hai ngón cái đều vịn khoảng giữa của ngón vô danh và ngón út, dao động thì gọi là **Khánh.**

Dùng Tam Muội Gia Ấn của 16 Tôn trước đều tụng **Yết Ma Chân Ngôn** lúc trước.

Như trước, an lập các Tôn xong, tưởng Kim Cương Tát Đỏa có 16 Tôn làm quyến thuộc. Hành Giả tự trụ **Bản Tôn Du Già** cũng có 16 Tôn vây chung quanh.

Tiếp tụng **Tán Vương** là:

Tát phộc nỗ la già tố khư tát đát-mãng năng sa (1) đát-phạm phộc nhật-la tát đát-phộc bả la mạc tố la đa (2) bà phộc minh , ma ha tố khư địa-lý trụ xế đã nặc (3) bát-la để bả na-dã , tát đình giả la ngu bát la năng đa (4)

屹楔平全丫 鉏几 屹撻巧屹

畚 向忝屹兹 扔先休 鉏先半

矛向伙 互成鉏几 呷玉 齋伏叭

盲凸扔改 帆肆 弋匡 擦盲仕半

SARVA ANURĀGA SUKHA SATMANASA

TVAM VAJRASATVA PARAMAḤ SURATAḤ

BHAVA ME , MAHASUKHA DRDHO CCHAYA DAH
PRATIPADYA SIDDHYA CALA GHU PRANATAH

Tán này có bốn câu. Tụng câu thứ nhất kết **Tiền Ấn**, câu thứ hai kết **Hỷ Duyệt Ấn**, câu thứ ba kết **Âi Ấn**, câu thứ tư kết **Dục Tự Tại Ấn** kèm kết **Yết Ma Ấn** lúc trước. Do ca vịnh **Tán Vương** này cho nên ưa thích Đại Lạc, Đại Tùy Ai Lạc đều được như ý bền chắc.

Lại tụng **Tối Thắng Chân Thật Tán** là:

Ma ha tố khư (1) ma ha la già (2) ma ha phộc nhật-la (3) ma ha đà na (4) ma ha nương na (5) ma ha yết ma (6) phộc nhật-la tát dát-phộc đĩnh , tát đà, minh (7)

互扣鉏几 互扣全丫 互扣向忝 互扣四巧 互扣鄙巧 互扣一廛 向忝屹兹改 帆隼亦

MAHÀ-SUKHA, MAHÀ-RÀGA, MAHÀ-VAJRA, MAHÀ-DHÀNA, MAHÀ-JÑÀNA, MAHÀ-KARMA, VAJRA-SATVA-DYA SIDDHYA MI

Do tụng **Tán** này cho nên hay khiến cho mau được thành tựu.

Tiếp nói về tướng của **Nhãn Ấn**. Nên tác **Đại Thích Duyệt Kim Cương Bất Không Thích Duyệt Cảnh Ngộ Ấn**. Tướng ấn là: Rất ưa thích, nháy mắt, mặt mỉm cười, ngắm nhìn. Do Ấn này cho nên mau được thành tựu.

Lại tác **Đại Thích Duyệt Kim Cương Bất Không Tiền Ấn**. Tướng Ấn là: mắt ấy như hoa nở một nửa kèm theo nụ cười mà nhìn, tay trái **Khư Tra Ca**, tay phải **Tam Phan** , nên như Nghi xoay múa, liền làm thế ném hoa. Do Ấn này gia trì cho nên như Bản Trụ.

Lại tác **Đại Thích Duyệt Thị Ấn**. Tướng Ấn là: mắt rất ưa thích (Đại Thích Duyệt Nhãn) quán nhìn. Do rất ưa thích ngắm nhìn cho nên kẻ có phước mỏng (bạc phước) được thành tựu.

Lại tác **Đại Thích Duyệt Kim Cương Tràng Phan Ấn**. Tướng Ấn là: dung mạo như thâm tâm cảm động, mắt cực động. Do Ấn này cho nên mau được thành tựu, ứng hiện chứng vượt hơn tất cả Ngoại Đạo.

Lại tác **Lễ Ấn**. Tướng Ấn là: dung mạo cảm động, mắt hơi động, tay trái **Khư Tra Ca**, tay phải tác **Tam Phan**, như trước xoay múa ngay trái tim, sau đó làm thế rải hoa. Do Ấn này lễ kính cho nên tất cả Thế Gian kính người đó và cúng dường.

Dùng **Chúc Thị Ấn** trước ngửa nhìn là nghĩa của Bản Tôn, **Đại Thánh** tức là **Pháp Giới Thể Tính Trí**. Nay dùng tâm hâm mộ quán tức là nhìn **Tính Viên Tịch**, đều dùng **Yết Ma Ấn** trợ giúp, Tụng Bản Chân Ngôn

Tiếp dùng **Nhãn Thị Thỉnh Bản Tôn Nhập Thân Ấn**. Tướng Ấn là: mắt ấy hơi mở, nháy động ngắm nhìn, tưởng Bản Tôn vào khắp trong thân.

Tiếp tác **Tận Thân Tâm Ai Nhiễm Ấn**. Tướng Ấn là:Phát Ý như vậy:”*Nay con đem hết thân tâm ái nhiễm phụng sự Thánh Giả Kim Cương Tát Đỏa. Do Ấn này hay trụ tất cả chân thật, hay thông đạt Tự Tính của Trí cho nên Kim Cương Tát Đỏa hay trụ Pháp Giới Thể Tính Trí. Nay con cũng dùng phương tiện của Ấn này cho nên quyết định thủ chứng*”

Tiếp kết **Kim Cương Xí Thịnh Nhật Tam Muội Gia Ấn**. Tướng Ấn là: Hai tay cài chéo các ngón sâu bên trong rồi hơi hợp quyền, mở tám ngón tay ấy như lửa nóng, duỗi ngón cái cùng hợp nhau như chày Kim Cương.Ngược với mặt trời xoay theo bên trái, tưởng **tịch trừ** loài khó điều phục, đất trụ bên dưới kết **Địa Giới**; thuận với mặt trời xoay theo bên phải tùy ý xa gần làm **Giới**, khía bên trên tưởng kết **Hư Không Giới**, đều tụng Chân Ngôn là:

Hồng
姬

向忝 猊一先 猊一先 吐了鄔先 互仗 盲叨 互扣先丫
互扣忙米 一互 伏朽 互扣叻巧 注乙媪樽矛向 嶠奇 跣 注吐乙奇
注四玆一 菴向先 盲矛向 防劍鉏 鉏模 脆媪 戍弋兕 分丫互 盲向先 盲旆
矛向 屹丫先 夸叻巧

挑巧司 市叻左扭凹 鐳凹 直一 屹楠 交劫半 崖撻泡 佞丫 屹互兆 凹玆 屹忸
互扣互有 凹卡丫凹 互扣帆益 叻獲 一愍 互扣悞叻 屹叻獲 屹一獲 扔卡
回囚才柰 鉏回叻一

向忝呢叻 互扣呢叻 捂匡 盲匡伏 叨互八 互扣合巧伏益沔奇 冰治 別治 朽兕
一匈

屹楠圩渚 互扣扔痧 盲鄙 扔伏 互扣巧伏 全丫 圩渚 屹互杞奇 合鄔先丫
互旨鄔先

玆乙圭戍 忸市 扶因 屹楠 向溪 互扣匡伏 合穴凸 胄 合丟先介 屹楠圭扔共
盲先八

巧互脰包 巧互脰包 巧互脰包 巧伏 巧休 么觚 曳畚 盲扔攻亦 向忝屹班忸
帆溪 艸

PARAMĀDYA MAHĀSATVA MAHĀRATA MAHĀRATI
SAMANTABHADRA _ SARVA ATMA VAJRA GARDHVA PATE PATE ,
CITTASATVA SAMĀDHYAGRA VAJRA VAJRA MAHĀDHANA
SAMANTABHADRA CARYĀGRA , MĀRA MĀRA PRAMARDAKA _ SARVA
BODHE MAHĀBUDDHA BUDDHA BUDDHAGRA JAMMA JAḤ VAJRA-
HUMKARA HUMKARA LOKE'SVARA MAṆI PRADA MAHĀRAGA ,
MAHĀSAUKHYA KAMA MOKṢA , MAHĀDHANA TRIKĀRA STRIBHAVA
'STRYAGRA GRYA TRILOKĀGRA TRIDHĀTVAKA STHAVARA PRABHAVA
VYAKTA SUSUKṢMA SPHURA SAMCAYAM JAMGAMA PRAVARA PRAPTE
BHAVA SAGARA 'SODHANA _ ANADINI DHANĀTYAMTA KĀMTA PRĀKA _
SARVA MOSPHITAḤ HṚTMADRĀ YOGA SAMAYAḤ TATVA SATYA _
MAHĀMAHAḤ TATHĀGATA MAHĀSIDDHA DHARMA KARMA MAHĀBODHA
SADHARMA SAKARMA PATHĀ BODHICITTA SUBODHAKA _VAJRAKRODHA
MAHĀKRODHA JVALA PRALAYA DAMAKAḤ MAHĀVINAYADDHAṢṬĀGRA
RUDRA RAUDRA KṢAYAM KARAH _ SARVA 'SUDDHI MAHĀPADMA PRAJÑĀ
PAYA MAHĀNAYA RĀGA SIDDHI SAMADHYĀGRA VI'SVARAGA
MAHE'SVARA _ ĀKĀ'SĀNAM TYANI TYOVAI , SARVA BUDDHA MAHĀLAYA
VIBHŪTI 'SRĪ VIBHORAJA SARVA 'SĀPARI PRAKAḤ _ NAMASTUTE
NAMASTUTE NAMASTUTE NAMO NAMAḤ GUKTO HAṀ TVAM PRAPADYĀMI
VAJRASATVĀTYA SIDDHA MAM

Nếu trì **Tán Vương** này

Kim Cương Pháp Ngữ Tụng

Sẽ thành tựu sở lạc (Mọi điều ưa thích)

Mau chóng không quan hệ

Tiếp kết **Kim Cương Bí Mật Tam Muội Gia Ấn**. Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, ngón cái ngón trỏ làm cái lỗ, ngón cái phải khéo đè ép, gia trì trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

Tổ la đa, tát-đát-phạm

鉏先凹 養

SURATA STVAM

Tiếp kết **Ngũ Phật Quán Đỉnh Ấn**. Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng, cùng hợp ngón giữa co lỏng thứ ba như cây kiếm, hai ngón trỏ đều phụ dính lỏng thứ ba của ngón giữa, hai ngón cái cùng giao nhau như hình Già Phu, đặt ở trên đỉnh đầu, tiếp phía trước đỉnh đầu, bên phải đỉnh đầu, phía sau đỉnh đầu, bên trái đỉnh đầu. Tụng **Ngũ Phật Chân Ngôn** gia trì. Chân Ngôn là:

Ấn, bộ khiếm

遇 罅 磨

OM BHUḤ KHAM

Phộc nhật-la, tát đát-phộc

向忝屹兹

VAJRA-SATVA

Phộc nhật-la, la dát-na

向忝先湓

VAJRA-RATNA

Phộc nhật-la, đạt ma

向忝叻獲

VAJRA-DHARMA

Phộc nhật-la, yết ma

向忝一戩

VAJRA-KARMA

Tiếp kết **Kim Cương Man Ấn**. Tướng Ấn là: nắm hai Kim Cương Quyền, ở trước trán, sau ót làm thế cột buộc vòng hoa, từ từ theo ngón út bung xuống dưới như rũ dây đai lụa. Chân Ngôn là:

Ấn (1) phộc nhật-la , ma la ty sấn giả (2) mấn (3) hàm

遇 向忝 交匠石翹弋 施 圳

OM VAJRA MÀLA ABHIṢIṢCA MAM VAM

Như **Thành Thân** lúc trước xong, liền kết tám **Cúng Dưỡng Yết Ma Ấn**. Tướng Ấn là: Dùng hai Kim Cương Quyền, che úp cùng kèm nhau, ném lên trên là **Hoa**, bung xuống dưới là **Thiên Hương**, cùng hợp ngón cái thành **Đặng**, y theo hướng hai bên ngực mở dần là **Đồ Hương**, cùng kèm che ngay trái tim rồi chuyển theo bên phải là **Hy Hý**, như Hy Hý gần miệng từ từ bung tán là **Tiểu**; hai Quyền duỗi ngón trỏ, cánh tay trái như Không Hầu, tay phải như thế búng dây đàn là **Ca**; xoay múa ngay trái tim , hư chưởng hợp trên đỉnh đầu là **Vũ**.

Chân Ngôn của tám Cúng Dường như Quảng Nghi Quỹ lúc trước đã nói, y theo Pháp **thành thân** với tám Cúng Dường xong.

Tiếp quán tất cả **Sắc** trống rỗng (‘Sùnya:Không), như vậy suy tư xong liền dùng lời nói ưa thích màu nhiệm tùy phần tụng tiếng ban đầu (Sơ Thanh), ấy là chữ **A** (𑖀) Chân thật quán “*tất cả pháp vốn tự chẳng sinh, lại sẽ Thành Thân làm Kim Cương Tát Đỏa*”. Lại dùng ý Thắng Giải vận tưởng vật của nhóm Cúng Dường kèm xưng chữ **An** (OM), sau đó thường tụng **Tâm Chân Ngôn**. Như vậy đến một tháng, hai tháng hoặc lại sáu tháng thì cảnh tướng sẽ hiện, hoặc nhìn thấy các Phật Bồ Tát với tất cả việc thù thắng.

Phàm ở trong tất cả Thời, thấy các việc vừa ý với vật của nhóm trang nghiêm thì đều tác **Không Quán** rồi lại an lập đều thành thanh tịnh xong, tụng Chân Ngôn chữ **An** cúng dường Bản Tôn.

Tiếp lại quán thân sắc trống rỗng, tức là nhìn thấy Kim Cương Đỏa, như vậy Thắng Giải quyết định xong, mỗi một cảnh ấy được mắt nhìn thấy tự nhiên thành trống rỗng (Không)

Lại nên kiến lập một như Bản Tôn thì cấu chướng của nhóm ấy sẽ thanh tịnh, cũng tưởng thân mình là Kim Cương Tát Đỏa. Dùng Du Già như vậy cho đến đi, trụ, ngồi, đứng tùy ý tu tập.

Lại nên trì Chân Ngôn đủ mười vạn biến, sau khi hết ngày thì suốt đêm niệm tụng thành tựu Tiên Hạnh, dần dần siêng năng gia công dùng ất ở đời này mau chứng Trí của Đại Lạc Kim Cương Tát Đỏa

Pháp Kính Ai. Trước tiên ở trước thân của mình, quán A Tự Môn (𑖀) thành vành trăng trong sạch, ở trong vành trăng quán chữ **Hộc** (𑖀_HOḤ) thành thân **Kim Cương Ai Bồ Tát** (Vajra-Ràga-bodhisatva), thân màu chu sa phóng ra ánh sáng màu hồng, hai tay cầm mũi tên. Quán rõ ràng xong liền tụng **Tứ Tự Minh**, kết Ấn dẫn vào thân của mình. **Tứ Tự Minh** là:

nhược hồng tông hộc

切 嚮 嚮 𑖀

JAḤ HŪM VAM HOḤ

Liền đem Ấn gia trì bốn nơi là: Trái tim, vàng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Chân Ngôn là (Ấn ở tại Quảng Kinh)

An, phộc nhật-la, la nga, a địa sắt-xá, sa la, hàm

𑖀 向 𑖀 全 丸 囚 𑖀 𑖀 𑖀

OM VAJRA RÀGA ADHIṢṬA SARA HŪM

Chân thật quán thân mình như **Kim Cương Ai Nhiễm Bồ Tát**, uy nghi sắc tướng không có sai khác. Liền quán người ấy cách khoảng một khuỷu tay ngay trước mặt, dưới thân có chữ thành hoa sen, tự thấy thân của mình từ lỗ hồng của hoa sen nhập vào thân của người ấy, khắp cả chi phần của hình thể ấy giống như mặc áo, trên dưới chân thật quán hình ấy không có hai, liền tụng Chân Ngôn là:

An, phộc nhật-la, la nga, la nga dã (con họ tên là...) **hộc**

𑖀 向 𑖀 全 𑖀 全 丸 娑 娑 𑖀

OM VAJRA-RÀGA RÀGÀYA MAMA (Con họ tên là...) HOḤ

Niệm tụng tên ấy, chân thật quán liên tục chẳng dứt, mãn 14 biến sau đó nhìn thấy, ngôn ngữ nói ra đều là người ấy không có hai không có khác. Kiết Già, ngồi ngay thẳng nhập vào Định, tưởng trước mặt có một chữ **A** (𑖀) với ánh sáng chói rực, liền biến làm vành

trắng, trong vành trắng có một chữ **Hồng** (獨_ HÙM), thành xong liền làm **Kim Cương Câu Bồ Tát** (Vajra-amku'sa-bodhisatva) với hai tay cầm móc câu, liền theo miệng vào bên trong thành Bồ Tát. Tức từ trong trái tim xuất ra chữ **Nhược** (切_JAH) chảy vào như tóc, thẳng đến trong tâm người đã yêu thích thành móc câu như **Kim Cương Nữ**, tướng đầu như chày Nhất Cổ, tay trái cong thành móc câu, tướng hai thân không có hai.

ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐOẢ TU HÀNH THÀNH TỰU NGHI QUỶ
_ MỘT QUYỂN (Hết)_

18/08/2008

Webmaster:quangduc@tpg.com.au

Trở về Thư Mục Mật Tông

Biên tập nội dung: Tỳ kheo Thích Nguyên Tạng

Xin gửi bài mới và ý kiến đóng góp đến ban biên tập qua địa chỉ: quangduc@tpg.com.au

Ghi rõ nguồn "**Trang nhà Quảng Đức**" khi bạn phát hành lại thông tin từ website này.